

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO HÀNG RỘNG RÃI

Gói mua sắm: 154/CHRR/2022 - Quà tặng Khách hàng Private nhân dịp Tết Âm
lịch 2023
Bên mua sắm: Ngân hàng TMCP Quân Đội

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2022

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG MUA SẮM



Nguyễn Trần Phương

Chương I. CHỈ DẪN CHUNG

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư là: Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB).
2. MB mời các nhà cung cấp (NCC) tham gia chào hàng rộng rãi gói mua sắm: “154/CHRR/2022 - Quà tặng Khách hàng Private nhân dịp Tết Âm lịch 2023”. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói mua sắm nêu tại Chương II của HSYC này.
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 01 tháng.
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

Mục 2. Tư cách hợp lệ của NCC

NCC là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói mua sắm này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. NCC phải nộp đơn chào hàng và Bảng giá chào theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà NCC không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là NCC đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói mua sắm, NCC phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do NCC ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói mua sắm trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp NCC tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của NCC sẽ bị loại.
3. Trường hợp NCC có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm Đơn vị mua sắm nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, NCC cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần của Hồ sơ đề xuất (HSĐX)

HSĐX do NCC chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Bảng giá chào theo Mẫu số 02 Chương III;

3. Bảng tuyên bố đáp ứng kỹ thuật theo Mẫu số 03 Chương III;
4. Hồ sơ năng lực gồm:
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
 - Báo cáo tài chính năm các năm 2019, 2020, 2021;
 - Hợp đồng tương tự;
5. Các nội dung cần thiết khác:
 - Thư ủy quyền của hãng sản xuất và/hoặc giấy tờ chứng nhận là đại lý phân phối chính hãng về việc ủy quyền cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của MB.
 - Các giấy tờ khác chứng minh nguồn gốc, chất lượng sản phẩm.
 - Cam kết thực hiện các điều khoản chính trong Hợp đồng tại Chương IV;

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của HSDX

Thời gian có hiệu lực của HSDX là 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDX.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá HSDX

1. NCC phải nộp HSDX trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử về địa chỉ:
Hồ sơ đề xuất được gửi tới Ngân hàng TMCP Quân đội trực tiếp hoặc qua đường bưu điện trước 16h00 ngày 10/11/2022 theo địa chỉ:
 - Phòng Mua sắm và Quản lý Tài sản - Khối Hành chính - Ngân hàng TMCP Quân Đội.
 - Địa chỉ: Tầng 07, tòa nhà MB 18 Lê Văn Lương, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
 - Đầu mối tiếp nhận: Vũ Thị Huyền Trang
 - Điện thoại: 0988 66 68 69 Email: trangvth2@mbbank.com.vnCác HSDX được gửi đến Đơn vị mua sắm sau thời điểm hết hạn nộp HSDX sẽ không được xem xét.
2. Trong quá trình đánh giá các HSDX, Đơn vị mua sắm có thể mời NCC có HSDX đạt yêu cầu và có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt là NCC được lựa chọn:

NCC được xem xét, đề nghị ký hợp đồng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX đáp ứng các yêu cầu trong HSYC;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt ngân sách gói mua sắm được duyệt.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI MUA SẮM

1. Yêu cầu và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

TT	Nội dung	Yêu cầu (mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng)
1	Số lượng HSDX phải nộp	+ 01 bản gốc, 01 bản sao. + 01 bản copy bằng USB (<i>USB lưu toàn bộ bản scan HSDX, riêng bảng giá phải lưu thêm dạng file Microsoft Excel</i>)
2	Tính hợp lệ của đơn đề xuất	Được người đại diện hợp pháp của NCC ký tên, đóng dấu
3	Hiệu lực HSDX đáp ứng yêu cầu	Thời gian có hiệu lực của HSDX là 90 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDX.
4	Có giấy phép ĐKKD	Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nhà nước Việt Nam cấp; ngành nghề phù hợp với lĩnh vực tham gia chào giá (<i>NCC nộp bản công chứng chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/sao y của đơn vị</i>)

NCC có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm

2. Yêu cầu và tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

TT	Nội dung	Mô tả chi tiết	Yêu cầu
1	Số năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính.	≥ 03 năm tính đến thời điểm hết hạn nộp HSDX, được thể hiện trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương.	M
2	Số lượng các hợp đồng tương tự như hợp đồng của gói mua sắm này với tư cách nhà cung cấp chính tại Việt Nam	≥ 02 hợp đồng tương tự, giá trị mỗi hợp đồng: ≥ 3 tỷ đồng. Hoặc có tối thiểu 01 Hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự với giá trị ≥ 3 tỷ đồng và nhiều hơn 01 Hợp đồng/đơn hàng tương tự với tổng giá trị lớn hơn 3 tỷ đồng. (<i>NCC nộp bản sao y chứng thực hoặc bản sao y có xác nhận công ty. Trường hợp cần xác minh, MB có thể yêu cầu đối chiếu bản gốc</i>)	M
3	Năng lực tài chính	- Doanh thu các năm 2019, 2020, 2021 $\geq 6,5$ tỷ đồng. - Lợi các năm 2019, 2020, 2021 > 0 .	M

TT	Nội dung	Mô tả chi tiết	Yêu cầu
		<i>NCC nộp bản sao y chứng thực hoặc bản sao y có xác nhận công ty Báo cáo tài chính các năm 2019, 2020, 2021.</i>	

3. Yêu cầu cung cấp hàng hóa:

NCC phải cung cấp hàng hóa theo đúng nội dung nêu tại bảng sau trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc trước ngày 10/12/2022 theo tùy điều kiện nào đến trước.

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật (Yêu cầu tối thiểu được cho là đáp ứng)	Số lượng dự kiến	ĐVT
1	Set quà Khay đựng bánh 3 tầng	- Chất liệu: thép không gỉ 18/10 - Kích thước: 27x44x20 (cm) - Mô tả chi tiết: sản phẩm có 2 mục đích sử dụng, khi đóng lại là một bức điêu khắc trang trí trên mặt bàn, khi mở ra, sẽ trở thành một giá đỡ bánh nhiều tầng được sử dụng cho buổi tiệc trà hay gia đình. - Hãng: Alessi - Xuất xứ: Trung Quốc Hình ảnh sản phẩm: 	60	Bộ
2	Set quà dụng cụ vắt chanh	- Chất liệu: Nhôm sáng bóng. - Mô tả chi tiết: Với thiết kế nổi bật, dụng cụ ép nước trái cây với phần đế cao và dài để đặt vừa cốc nước đặt bên dưới. - Kích thước: 14x29 cm - Hãng: Alessi - Xuất xứ: Việt Nam	1.300	Bộ

		Hình ảnh sản phẩm:		
				

Các yêu cầu khác:

- Địa điểm bàn giao hàng hóa: tại các Chi nhánh/ Phòng Giao dịch của MB trên toàn quốc.
Danh sách địa điểm giao hàng dự kiến của MB chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm (SL phân bổ chi tiết tại mỗi Chi nhánh sẽ cung cấp sau khi ký Hợp đồng)

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói mua sắm: _____ [Ghi tên gói mua sắm theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của Đơn vị mua sắm]

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu (HSYC) và văn bản sửa đổi HSYC _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên NCC], cam kết thực hiện gói mua sắm _____ [Ghi tên gói mua sắm] theo đúng yêu cầu của HSYC với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói mua sắm].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là NCC chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm hết hạn nộp HSDX].

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO

Đại diện hợp pháp của NCC

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Mô tả, xuất xứ hàng hóa	Bảo hành	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x7)
1	Hàng hóa thứ 1						M1
2	Hàng hóa thứ 2						M2
							
n	Hàng hóa thứ n						Mn
	Tổng cộng giá chào đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>						M=M1+M2+ ...+Mn

Đại diện hợp pháp của NCC

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Đơn giá tại cột (7) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hóa theo yêu cầu của Đơn vị mua sắm, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có) và tất cả các chi phí khác. Khi tham gia chào hàng rộng rãi NCC phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày hết hạn nộp HSDX theo quy định.

BẢNG TUYÊN BỐ ĐÁP ỨNG KỸ THUẬT

ST T	Nội dung	Yêu cầu của HSYC	Yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Ghi chú và tài liệu tham chiếu (nếu có)
1				Đáp ứng/ Không đáp ứng	
2			M/O		
3			M/O		

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

CHƯƠNG IV - CÁC ĐIỀU KHOẢN CHÍNH TRONG HỢP ĐỒNG

Các điều khoản dưới đây được căn cứ trên quy định Bên A là Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) và Bên B là đơn vị trúng gói mua sắm này.

I. GIÁ TRỊ, HÌNH THỨC THANH TOÁN

1. **Phương thức thanh toán:** chuyển khoản (*phí chuyển khoản thuộc trách nhiệm của Bên A*).
Thanh toán làm hai lần:

Lần 1: Bên A tạm ứng cho Bên B 30% giá trị Hợp đồng, tương đương ... VND (*Bằng chữ:*./) trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi ký Hợp đồng và Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán, bao gồm:

- + Công văn đề nghị tạm ứng của Bên B;
- + Thư bảo lãnh thực hiện Hợp đồng;
- + Thư bảo lãnh tạm ứng.

Lần 2: Bên A thanh toán cho Bên B đến 100% giá trị Hợp đồng, tương đương ... VND (*Bằng chữ:*./) trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi ký biên bản bàn giao, nghiệm thu hàng hóa và Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán, bao gồm:

- + Công văn đề nghị thanh toán của Bên B;
- + Biên bản bàn giao tại điểm giao hàng;
- + Biên bản nghiệm thu tổng thể do đại diện có thẩm quyền của hai bên ký và đóng dấu;
- + Hóa đơn tài chính hợp lệ;
- + Bản sao các giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng hàng hóa.

Chi tiết khi thương thảo Hợp đồng.

2. Quy định về các giấy tờ, hồ sơ thanh toán:

- **Giấy đề nghị tạm ứng, thanh toán:** Ghi rõ nội dung cần tạm ứng, thanh toán, số tiền chính xác bằng số, bằng chữ, tên đơn vị thụ hưởng.
- **Thư bảo lãnh:** Là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang, do một ngân hàng có uy tín, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (trừ các đơn vị thành viên thuộc hệ thống Ngân hàng TMCP Quân đội) và phải được Bên A chấp nhận
 - + Bảo lãnh thực hiện hợp đồng: Giá trị bảo lãnh bằng 10% tổng giá trị mỗi Hợp đồng mua bán và có hiệu lực nhiều hơn 30 ngày so với thời hạn hoàn thành nghiệm thu Hợp đồng. Trường hợp gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, Bên B phải gia hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng tương ứng.
 - + Bảo lãnh tạm ứng: Giá trị bảo lãnh tối thiểu bằng giá trị tiền tạm ứng và có hiệu lực nhiều hơn 30 ngày so với thời hạn hoàn thành công tác nghiệm thu quy định trong Hợp đồng.
- **Biên bản bàn giao, nghiệm thu:** Đây là biên bản xác nhận công tác bàn giao theo biểu mẫu của Bên A cung cấp trước khi tiến hành nghiệm thu. Trên đó phải thể hiện các nội dung: Danh mục hàng hóa, số lượng, đơn giá... và phải được đơn vị đầu mối nhận hàng ký xác nhận và đóng dấu Chi nhánh/ PGD.

II. PHẠT VI PHẠM

Tiến độ cung cấp: Bên B cung cấp hàng hóa cho Bên A trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng trước ngày 10/12/2022 theo tùy điều kiện nào đến trước.

Phạt chậm tiến độ: Nếu bên B triển khai và nghiệm thu chậm so với tiến độ quy định thì bên B sẽ phải chịu mức phạt bằng 0,1% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày nghiệm thu chậm, tuy nhiên tổng mức phạt không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. và bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho Bên bị vi phạm (nếu có)

PHỤ LỤC 01 - DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG DỰ KIẾN

STT	MÃ CN	TÊN CN	Địa chỉ giao hàng
1	VN0010002	SO GIAO DỊCH 1	Một phần tầng 1, tầng 2 tòa nhà số 18 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
2	VN0010003	THANH XUAN	Một phần tầng 1, tầng 2 tòa nhà Gold Tower số 275 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
3	VN0010004	TAY HO	Tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4 Số 28 đường Xuân La, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.
4	VN0010005	TRAN DUY HUNG	Tầng 1 tòa nhà số 17T2 KĐT Trung Hòa Nhân Chính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
5	VN0010008	XUAN THUY	Nhà số 3, Lô A, Khu D6, đường Nguyễn Phong Sắc kéo dài, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
6	VN0010009	VO CHI CONG	Một phần diện tích tầng 1 tòa nhà N01-T4 Khu Đoàn ngoại giao, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
7	VN0010011	MY DINH	Tầng 1, tầng 2 nhà B, Tòa nhà HH4 Song Da Twin Tower, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
8	VN0010030	BAC NINH	Tầng 1, Tầng 2 và Tầng 9 Tòa nhà trụ sở Ngân hàng TMCP Quân Đội Chi nhánh Bắc Ninh: Số 24 đường Lý Thái Tổ, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
9	VN0010031	DONG ANH	Tầng 1,2,3 Tòa nhà Trung tâm Du lịch và Thương mại Tổng hợp Cổ Loa, Tổ 3 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.
10	VN0010051	DIEN BIEN PHU	Số 28A Điện Biên Phủ, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
11	VN0010052	LY NAM DE	Số 14C Lý Nam Đế, Phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
12	VN0010053	LONG BIEN	Tầng 1, 3, 4, 5 số 137 C Nguyễn Văn Cừ, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.
13	VN0010054	THANG LONG	Số 34, Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
14	VN0010056	HOANG QUOC VIET	Số 126 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
15	VN0010057	HOAN KIEM	Một phần tầng 1, tầng 2, tầng 3 tòa nhà TTXVN Số 79 phố Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
16	VN0010058	THANH CONG	Ô số 8 tầng 1, ô số 3 tầng 8 Tòa nhà Văn phòng Sông Hồng, số 165 đường Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
17	VN0010059	DONG DA	Một phần tầng 1, tầng 2 tòa nhà Trụ sở làm việc Trung tâm Phát thanh truyền hình Quân đội, số 165 Xã Đàn, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

STT	MÃ CN	TÊN CN	Địa chỉ giao hàng
18	VN0010060	LAN ONG	Số 17 phố Hàng Cân, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
19	VN0010062	GIANG VO	Một phần tầng 1, tòa nhà TTTM Chợ Mơ, 459C phố Bạch Mai, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
20	VN0010063	GIAI PHONG	Một phần tầng 1 và tầng lửng tòa nhà HH2 Dự án Khu hỗn hợp nhà ở, dịch vụ công cộng, văn phòng và trường học (tên thương mại Imperial Plaza) tại địa chỉ số 360 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
21	VN0010064	NAM HA NOI	Một phần tầng 1, tầng 2 tòa nhà số 8 Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
22	VN0010065	HAI BA TRUNG	Một phần tầng 1 khu văn phòng, tòa nhà Tower 1, số 458 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
23	VN0010067	TRAN HUNG DAO	Một phần tầng 2, tầng 5 tòa nhà số 03 phố Lương Yên "Sun Grand City Ancora Residence", phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
24	VN0010068	LE TRONG TAN	Số 164 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
25	VN0010074	NHAN CHINH	Tầng 1, tòa nhà Thăng Long, Số 98 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
26	VN0010086	BA DINH	Số 3 Liễu Giai, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
27	VN0010090	THAI NGUYEN	Tầng 1, tầng 2 tòa nhà số 679 đường Lương Ngọc Quyến, tổ 12, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
28	VN0010095	GIA LAI	Số 08 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.
29	VN0010100	TAN HUONG	Số 229 đường Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
30	VN0010101	HO CHI MINH	Số 18B đường Cộng Hòa, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
31	VN0010103	SO GIAO DICH 2	Tầng 1 (tầng trệt), tầng 2 Tòa Nhà Sunny ToWer, Số 259 Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
32	VN0010110	SAI GON	Số 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
33	VN0010115	TAN PHU	Số 835 – 837 đường Lũy Bán Bích, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
34	VN0010117	KHANH HOI	Số 192, 194 đường Khánh Hội, phường 6, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
35	VN0010130	NAM BINH DUONG	Số 01 và số 03 đường D3, khu đô thị thương mại dịch vụ Sóng Thần, khu phố Thống Nhất 1, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

STT	MÃ CN	TÊN CN	Địa chỉ giao hàng
36	VN0010140	BINH DUONG	Số 306 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
37	VN0010151	AN PHU	Chung cư An Phú, KĐT An Phú - An Khánh, Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
38	VN0010160	NAM SAI GON	Tầng trệt, Tòa nhà M Building, số 09 đường số 08, Khu A, Đô thị Mới Nam Thành phố, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
39	VN0010180	THANH TRI	Một phần diện tích tầng 1 và tầng 1B của tòa nhà An & Huy, thửa đất số GD1-1, GD1-2, GD1-3 cụm công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
40	VN0010201	BAC SAI GON	Số 3 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.
41	VN0010226	PHU NHUAN	Một phần tầng Trệt tòa nhà Prince Residence, số 19 - 21 đường Nguyễn Văn Trỗi, phường 12, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
42	VN0010230	NINH BINH	Số 1112 đường Trần Hưng Đạo, phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.
43	VN0010251	HAI PHONG	Tầng 1, tầng 2 và tầng 10 tòa nhà Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hải Phòng, thửa đất số 06, lô 30A, khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi, đường Lê Hồng Phong, phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
44	VN0010253	NAM HAI PHONG	Tầng trệt (tầng 1), tầng 3 tòa nhà Tổng công ty xây dựng Bạch Đằng, số 268 đường Trần Nguyên Hãn, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
45	VN0010263	BAC HAI PHONG	Số 5 đường Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
46	VN0010268	BINH CHANH	Số 207 – 209 đường số 9A, khu dân cư Trung Sơn, ấp 4, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
47	VN0010270	HAI DUONG	Tầng 1, tầng 2 số 248 đại lộ Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
48	VN0010275	TAY SAI GON	Số 246 đường Tô Ký, ấp Tam Đông 1, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
49	VN0010280	DONG SAI GON	Tầng trệt tòa nhà Số 538 đường CMT8, phường 11, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
50	VN0010301	DA NANG	Tầng trệt, tầng lửng, tầng 6 số 174 Lê Đình Lý, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
51	VN0010307	NAM DA NANG	Số 152 đường 2/9, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
52	VN0010351	VIET TRI	Số 1596 đường Hùng Vương, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
53	VN0010355	VINH PHUC	Một phần tầng 1, tòa nhà viettel Vinh phúc, KĐT chùa Hà Tiên, phường Liên Bảo thành phố Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc.

STT	MÃ CN	TÊN CN	Địa chỉ giao hàng
54	VN0010401	BINH DINH	Tầng 1, tầng 2 và tầng 3 tòa nhà Ngân hàng TMCP Quân Đội, số nhà 322 đường Nguyễn Thái Học, phường Ngô Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
55	VN0010451	CAN THO	Tầng 1, tầng 2 và tầng 7 tòa nhà Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Cần Thơ, số 77, 77B Võ Văn Tần, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
56	VN0010461	AN GIANG	Số 82 – 84 Đường Nguyễn Trãi, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
57	VN0010501	HUE	Một phần tầng 1,2,3, Tòa nhà số 07 Nguyễn Tri Phương, phường Phú Hội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
58	VN0010504	QUANG TRI	Số 134, quốc lộ 9, phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
59	VN0010510	QUANG BINH	Số 58 đường Quang Trung, phường Đồng Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
60	VN0010520	TUYEN QUANG	Số 155, đường Bình Thuận, tổ 19, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
61	VN0010560	BA RIA	Số 86 - 88 đường Bạch Đằng, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
62	VN0010601	QUANG NINH	Số 156 đường Lê Thánh Tông, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
63	VN0010603	UONG BI	Số 277, đường Quang Trung, Tổ 24 A, khu 7, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
64	VN0010701	QUAN 5	Tầng trệt, tầng 1 và tầng 2 số 353 – 355 đường An Dương Vương, phường 3, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.
65	VN0010710	DONG THAP	Số 204-206 đường Nguyễn Huệ, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
66	VN0010714	LONG AN	Số 122-124 Hùng Vương, Phường 6, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An.
67	VN0010718	KIEN GIANG	Số 24, 26, 28 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
68	VN0010720	DONG NAI	Số K23 đường Võ Thị Sáu, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
69	VN0010721	LONG THANH	Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 57 (11-3) - Số 301, Lê Duẩn, khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
70	VN0010724	LONG KHANH	Số 21 - 23 đường Nguyễn Trãi, khu phố 3, phường Xuân Hòa, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
71	VN0010727	PHU QUOC	Số 249-251 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 5, phường Dương Đông, Thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
72	VN0010730	MONG CAI	Số 2 đường Hùng Vương, phường Hòa Lạc, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.
73	VN0010734	TAY NINH	Số 225 Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 1, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh
74	VN0010737	LAO CAI	Số 119 đường Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

STT	MÃ CN	TÊN CN	Địa chỉ giao hàng
75	VN0010740	HUNG YEN	Tầng 1, tầng 5, tòa nhà Viettel Hưng Yên, số 537 đường Nguyễn Văn Linh, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
76	VN0010751	CA MAU	Số 44-46, đường Hùng Vương, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
77	VN0010755	THAI BINH	Tầng 1 (tầng trệt) tòa nhà Viettel Thái Bình, số 431 phố Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
78	VN0010758	HA TINH	Số 80 Phan Đình Phùng, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
79	VN0010761	BAC GIANG	Tầng 1 (tầng trệt) tòa nhà trụ sở Viettel Bắc Giang lô A4, lần 2. đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
80	VN0010770	HA NAM	Tầng 1 (tầng trệt) tòa nhà Viettel Hà Nam, quốc lộ 1A đường Lê Hoàn, phường Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
81	VN0010775	NAM DINH	Một phần tầng 1, tầng 3, tòa nhà đa năng số 625 đường Trần Hưng Đạo, phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.
82	VN0010780	HOA BINH	Tầng 1, tầng 2 Tòa nhà Viettel, tổ 8, phường Quỳnh Lâm, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình
83	VN0010785	SON LA	Tầng 1 (tầng trệt) tòa nhà Viettel, số 1 Chu Văn Thỉnh, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
84	VN0010800	KHANH HOA	Số 09 đường Lê Thánh Tôn, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
85	VN0010803	CAM RANH	Số 151 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
86	VN0010810	NGHE AN	Số 2 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
87	VN0010820	TAY HA NOI	Tầng 1, Tòa nhà Nam Cường KM4, đường Lê Văn Lương kéo dài, KĐT M Dương Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
88	VN0010830	SON TAY	Số 279, 281 Chùa Thông, phường Sơn Lộc, thị xã Sơn Tây, Hà Nội
89	VN0010840	THANH HOA	Số 54+56+60 Trần Phú, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
90	VN0010860	VINH LONG	Số 1D - 1E đường Hoàng Thái Hiệu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
91	VN0010920	HOAI DUC	Lô A38-NV 16 ô số 11 và ô số 12, khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.
92	VN0010950	SO GIAO DICH 3	Tầng 2, Số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
93	VN0010888	TT PRIVATE MB	tầng 4 tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

STT	MÃ CN	TÊN CN	Địa chỉ giao hàng
94	VN0010888	TT PRIVATE MB	tầng 4 tòa nhà số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
95	VN0010666	TT PRIVATE MN	tầng 3 Tòa Nhà Sunny ToWer, Số 259 Trần Hưng Đạo, P. Cô Giang, Q1, TP Hồ Chí Minh
96	VN0010282	NGUYEN DINH CHIEU	Số 569 Nguyễn Đình Chiểu, phường 2, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
97	VN0010116	DOC LAP	Một phần tầng trệt và tầng 4, số 07 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
98	VN0010066	NGO GIA TU	Số 32, đường Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
99	VN0010012	TU LIEM	Phòng số 01, 02 tầng 1, tòa nhà "Au Viet Building" Số 1, Lê Đức Thọ, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
100	VN0010824	VAN PHU	Một phần tầng 1 tòa nhà CT9, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
101	VN0010602	CAM PHA	Số 352 đường Trần Phú, tổ 7B, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
102	VN0010704	BINH TAN	Số 435, 437, 439, 441 Đường số 7, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.
103	VN0010081	TRUC BACH	B-TT01-55, B-TT01-57, Khu nhà ở Ngân Hà Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
104	VN0010155	THU DUC	Số 282 Võ Văn Ngân, phường Bình Thọ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
105	VN0010702	QUAN 8	Số 829 - 829A đường Tạ Quang Bửu, phường 5, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
106	VN0010055	MINH KHAI	Tầng 1, 2, 3, 4 số 409 tổ 52 Kim Ngưu, Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
107	VN0010075	TAY SON	Tầng 1, 3 tòa nhà số 539 - 539A, phố Vũ Tông Phan, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
108	VN0010114	TAN DINH	192 đường Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
109	VN0010703	LE DAI HANH	Số 357A, 357C Lê Đại Hành, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.
110	VN0010010	PHUNG HUNG	Tầng 1, số 160 Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
111	VN0010073	HA THANH	Tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4, tầng 5 số 47 phố Phan Đình Phùng, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
112	VN0010107	QUAN 6	Số 10 – 12 đường Hậu Giang, phường 2, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.
113	VN0010833	DAN PHUONG	Km 21, Quốc Lộ 32, Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.
114	VN0010111	NGUYEN TRI PHUONG	431-433 Nguyễn Tri Phương, Phường 08, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

STT	MÃ CN	TÊN CN	Địa chỉ giao hàng
115	VN0010113	THONG NHAT	Tầng trệt, tầng lửng, tầng 2 số 102-104-106 Bàu Cát, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
116	VN0010102	HAM NGHI	Tầng trệt (tầng 1), tầng 2 tòa nhà Beta số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
117	VN0010221	BINH THANH	Tầng 1, tầng lửng và tầng 2 số 310 đường Lê Quang Định, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
118	VN0010882	XUAN MAI	Số 51, tổ 6, khu Xuân Hà, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
119	VN0010157	THAO DIEN	Số 65 đường Xuân Thủy, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
120	VN0010080	LY THAI TO	Một phần tầng 1, tầng 2 tòa nhà số 17 phố Tông Đản, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
121	VN0010154	QUAN 9	Tầng 1 (tầng trệt), tầng 2, số 25B Lê Văn Việt, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
122	VN0010831	DONG DO	Km 12, đường 32, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
123	VN0010142	TAN UYEN	Số 63/2 đường DT 746, Khu phố Bình Hòa 1, phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
124	VN0010146	BEN THANH	Số 414C-414D Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
125	VN0010105	TAN CANG	150-150A đường Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
126	VN0010106	TRUONG CHINH	318 Trường Chinh, khu phố 6, phường Tân Hưng Thuận, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.
127	VN0010034	HOANG MAI	Tầng 1,2 ô DV-02, DV-04, DV-12, DV-14 khu chung cư @Homes thuộc dự án khu nhà ở xã hội tại ô đất C11-ODK4, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
128	VN0010281	TAN THUAN	Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 và tầng 3 tòa nhà số 300, 300A, 300B đường Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Tây, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Văn bản này được trích xuất ra từ module quản lý văn bản của hệ thống M-Office bởi Lai Thị Kim
Thoa_thoaitk.ho@mbbank.com.vn 10h08 ngày 07/11/2022, đảm bảo khớp đúng với nội dung đã được cấp thẩm
quyền phê duyệt, ban hành.
Chữ ký người trích xuất văn bản:.....
Số chuyển hóa: 5109 (Số thứ tự năm trích xuất).